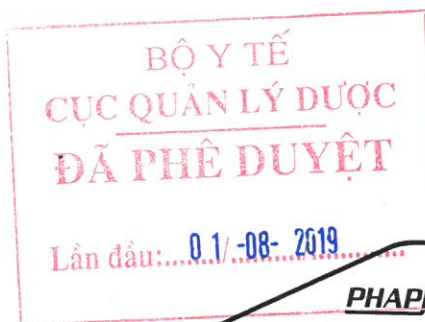
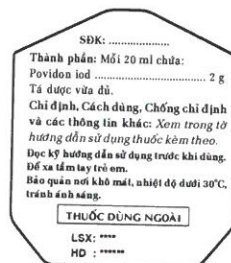
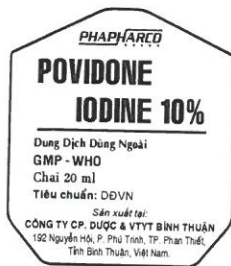


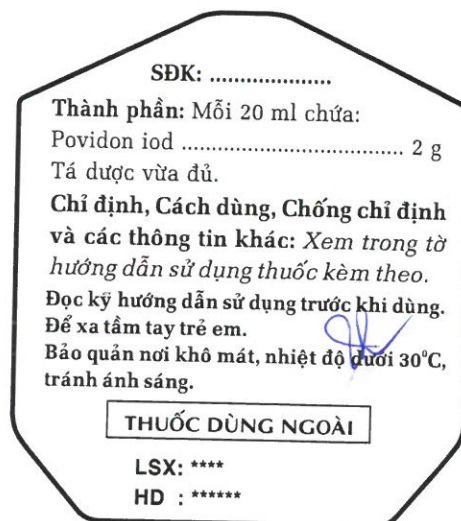
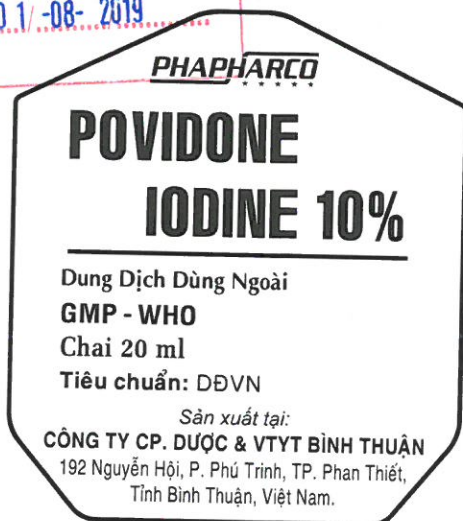


MẪU NHÃN DỰ KIẾN

MẪU NHÃN CHAI 20 ml



200 %



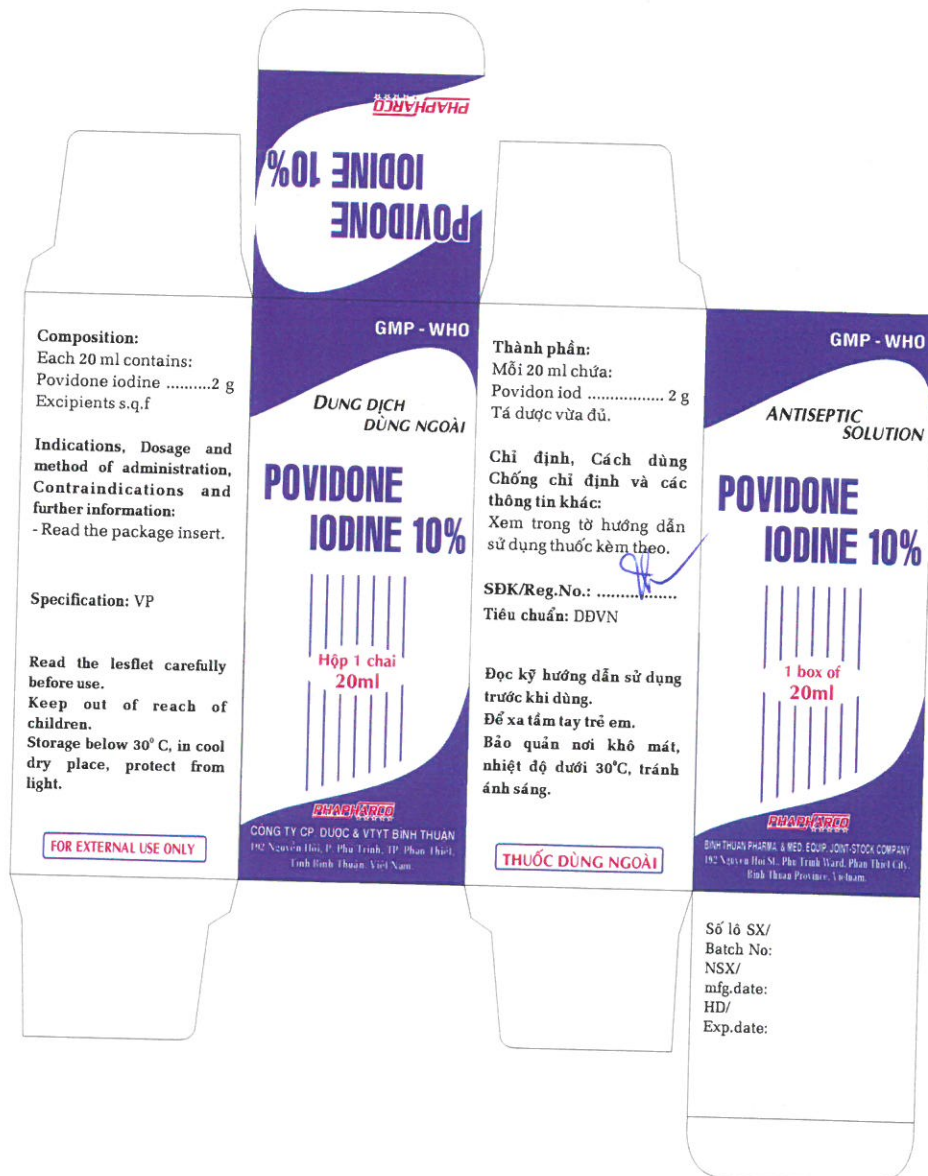


MẪU NHÃN DỰ KIẾN

MẪU NHÃN CHAI 20 ml



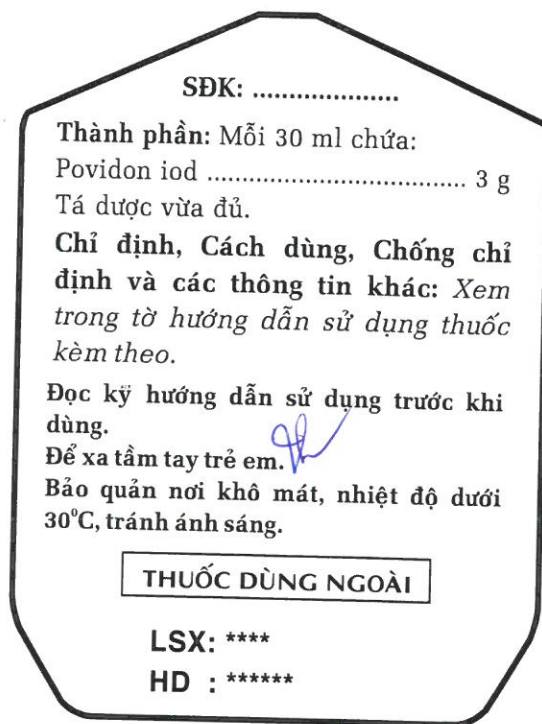
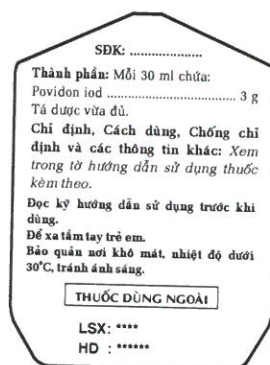
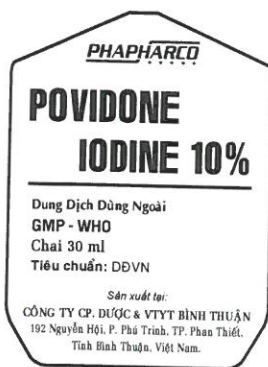
MẪU HỘP 1 CHAI X 20 ml





MẪU NHÃN DỰ KIẾN

MẪU NHÃN CHAI 30 ml





MẪU NHÃN DỰ KIẾN

MẪU NHÃN CHAI 90 ml

GMP - WHO

DUNG DỊCH
DÙNG NGOÀI

**POVIDONE
IODINE 10%**

Chai
90 ml

PHAPHARCO

THUỐC DÙNG NGOÀI

Thành phần: Mỗi 90 ml chứa:
Povidon iod 9 g
Tá dược vừa đủ.

**Chỉ định, Cách dùng, Chống chỉ định
và các thông tin khác:** Xem trong tờ
hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Để xa tầm tay trẻ em.
Bảo quản nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C
tránh ánh sáng.

SDK:
TIÊU CHUẨN: ĐOVN
Sản xuất tại:
CÔNG TY CP. DƯỢC & VẬT TƯ BÌNH THUẬN
192 Nguyễn Hội, P. Phú Trinh, TP. Phan Thiết,
Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.



MẪU NHÃN DỰ KIẾN

MẪU NHÃN CHAI 130 ml

POVIDONE IODINE 10%

Dung Dịch Dùng Ngoài
GMP - WHO
Chai 130 ml
TIÊU CHUẨN: ĐVN

Thành phần: Mỗi 130 ml chứa:

Povidon iod 13 g
Tá dược vừa đủ.

Chỉ định, Cách dùng, Chống chỉ định
và các thông tin khác: *Xem trong tờ
hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.*

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Để xa tầm tay trẻ em.
Bảo quản nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C
tránh ánh sáng.

SĐK:

THUỐC DÙNG NGOÀI

Sản xuất tại:

CÔNG TY CP. DƯỢC & VTYT BÌNH THUẬN
192 Nguyễn Hội, P. Phú Trinh, TP. Phan Thiết,
Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

PHAPHARCO

Số lô SX:
NSX:
HĐ:



MẪU NHÃN DỰ KIẾN

MẪU NHÃN CHAI 140 ml

POVIDONE IODINE 10%

Dung Dịch Dùng Ngoài
GMP - WHO
Chai 140 ml
TIÊU CHUẨN: ĐOVN

PHAPHARCO

Thành phần: Mỗi 140 ml chứa:

Povidon iod 14 g
Tá dược vừa đủ.

Chỉ định, Cách dùng, Chống chỉ định
và các thông tin khác: *Xem trong tờ
hướng dẫn sử dụng thuốc kèm theo.*

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Đề xa tầm tay trẻ em.

Bảo quản nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C
tránh ánh sáng.

SĐK:

THUỐC DÙNG NGOÀI

Sản xuất tại:

CÔNG TY CP. DƯỢC & VTYT BÌNH THUẬN
192 Nguyễn Hội, P. Phú Trinh, TP. Phan Thiết,
Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

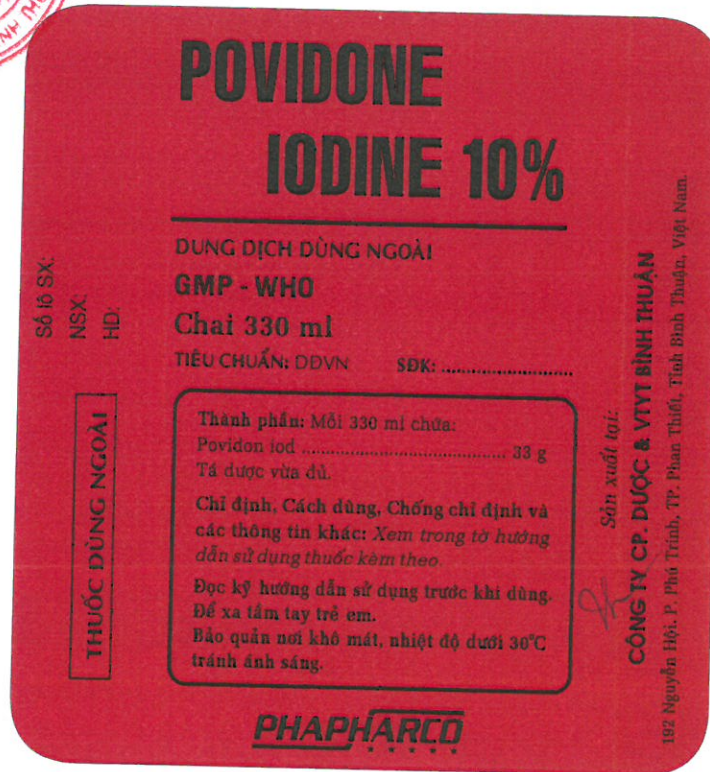
Số lô SX:

NSX:

HD:

MẪU NHÃN DỰ KIẾN

MẪU NHÃN CHAI 330 ml



TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Dung dịch dùng ngoài POVIDONE IODINE 10 %

1. **Tên thuốc:** POVIDONE IODINE 10 %
2. **Các dấu hiệu lưu ý và khuyến cáo khi dùng thuốc:**
 Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
 Để xa tầm tay trẻ em.

3. Thành phần công thức thuốc:

	Mỗi 20 ml	Mỗi 30 ml	Mỗi 90 ml	Mỗi 130 ml	Mỗi 140 ml	Mỗi 330 ml
<i>Thành phần được chất:</i>						
Povidon iod	2,0 g	3,0 g	9,0 g	13,0 g	14,0 g	33,0 g
<i>Thành phần tá dược:</i>						
Acid citric khan, dinatri phosphat dodecahydrat, nước tinh khiết						
Vừa đủ	20 ml	30 ml	90 ml	130 ml	140 ml	330 ml

4. Dạng bào chế: Dung dịch dùng ngoài.

5. Chỉ định:

Khử khuẩn và sát khuẩn các vết thương và da, niêm mạc trước khi phẫu thuật.
 Lau rửa các dụng cụ y tế trước khi tiệt khuẩn.

6. Cách dùng, liều dùng:

Thuốc sát khuẩn có phổ kháng khuẩn rộng, khô nhanh, chủ yếu là dùng ngoài. Liều dùng tùy thuộc vào vùng và tình trạng nhiễm khuẩn.

Người lớn bôi dung dịch không pha loãng lên vùng da để khử khuẩn hoặc vào vùng tổn thương (*Herpes simplex*, zona, vết thương) để tránh nhiễm khuẩn. Ngày bôi 2 lần và nếu cần, phủ gạc lên vết thương.

Liều trẻ em và người cao tuổi như liều người lớn.

7. Chống chỉ định:

Tiền sử quá mẫn với iod.

Dùng thường xuyên ở người bệnh có rối loạn tuyến giáp (đặc biệt bướu giáp nhân colloid, bướu giáp lưu hành và viêm tuyến giáp Hashimoto).

Thời kỳ mang thai và thời kỳ cho con bú.

Thủng màng nhĩ hoặc bôi trực tiếp lên màng não.

Khoang bị tổn thương nặng.

Trẻ nhỏ dưới 2 tuổi, nhất là trẻ sơ sinh.

8. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc:

Cần thận trọng khi dùng thường xuyên trên vết thương đối với người bệnh có tiền sử suy thận, đối với người bệnh đang điều trị bằng lithi.

9. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú:

Tránh dùng thường xuyên cho phụ nữ mang thai và cho con bú, vì iod qua được hàng rào nhau thai và bài tiết qua sữa. Mặc dù chưa có bằng chứng về nguy hại, nhưng vẫn nên thận trọng và cân nhắc giữa lợi ích điều trị và tác dụng có thể gây ra do hấp thu iod đối với sự phát triển và chức năng của tuyến giáp thai nhi.

10. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc:

Không ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.



11. Tương tác, tương kỵ của thuốc:

Tác dụng kháng khuẩn bị giảm khi có kiềm và protein. Xà phòng không làm mất tác dụng.

Tương tác với các hợp chất thủy ngân: Gây ăn da. Thuốc bị mất tác dụng với natri thiosulfat, ánh sáng mặt trời, nhiệt độ cao, và các thuốc sát khuẩn khác.

Có thể cản trở test thăm dò chức năng tuyến giáp.

12. Tác dụng không mong muốn của thuốc:

Chế phẩm có thể gây kích ứng tại chỗ, mặc dù thuốc ít kích ứng hơn iod tự do. Dùng với vết thương rộng và vết bỏng nặng, có thể gây phản ứng toàn thân.

Thường gặp, $ADR > 1/100$:

Iod được hấp thu mạnh ở vết thương rộng và bỏng nặng có thể gây nhiễm acid chuyển hóa, tăng natri huyết và tổn thương chức năng thận.

Đối với tuyến giáp: Có thể gây giảm năng giáp và nếu có giảm năng giáp tiềm tàng, có thể gây cơn nhiễm độc giáp.

Huyết học: Giảm bạch cầu trung tính (ở những người bệnh bị bỏng nặng).

Thần kinh: Co giật (ở những người bệnh điều trị kéo dài).

Ít gặp, $1/1000 < ADR < 1/100$:

Huyết học: Giảm bạch cầu trung tính (trường hợp bị bỏng nặng).

Thần kinh: Cơn động kinh (nếu điều trị PVP - I kéo dài).

Dị ứng, như viêm da do iod, đốm xuất huyết, viêm tuyến nước bọt, nhưng với tỷ lệ rất thấp.

Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc.

13. Quá liều và cách xử trí:

Lượng iod quá thừa sẽ gây bướu giáp, nhược giáp hoặc cường giáp. Dùng chế phẩm nhiều lần trên vùng da tổn thương rộng hoặc bỏng sẽ gây nhiều ADR như vị kim loại, tăng tiết nước bọt; đau rát họng và miệng, mắt bị kích ứng, sưng, đau dạ dày, ỉa chảy, khó thở do phù phổi. Có thể bị nhiễm acid chuyển hóa, tăng natri huyết và tổn thương thận.

Trong trường hợp uống nhầm một lượng lớn povidon - iod, phải điều trị triệu chứng và hỗ trợ, chú ý đặc biệt đến cân bằng điện giải, chức năng thận và tuyến giáp.

14. Quy cách đóng gói:

- Hộp 1 chai 20 ml (Chai nhựa LDPE);
- Chai 20 ml (Chai nhựa LDPE);
- Chai 30 ml (Chai nhựa LDPE);
- Chai 90 ml (Chai nhựa LDPE);
- Chai 130 ml (Chai nhựa LDPE);
- Chai 140 ml (Chai nhựa LDPE);
- Chai 330 ml (Chai nhựa LDPE).

15. Điều kiện bảo quản, hạn dùng, tiêu chuẩn chất lượng của thuốc

Bảo quản: Nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30 °C, tránh ánh sáng.

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn: ĐDVN

16. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC & VẬT TƯ Y TẾ BÌNH THUẬN

192 Nguyễn Hội, P. Phú Trinh, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

TU. CỤC TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG
Chu Quốc Thịnh